

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐT  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày 08/4/2022

" V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con "

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐT, TỈNH QUẢNG NINH**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Như Quỳnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lương Xuân Sớm

2. Ông Nguyễn Văn Bảy

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh: Bà Dương Thị Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 187/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **80/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021**, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST - HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST - HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST - HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Đài Tr, sinh năm: 1992; nơi thường trú: thôn 5, xã MS, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa; nơi tạm trú: số nhà 64, khu 2, phường HD, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt

2. Bị đơn: anh Trịnh Quốc Th, sinh năm: 1992; nơi thường trú: thôn 5, xã MS, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2021, bản tự khai ngày 21/7/2021, đơn trình bày ngày 17/01/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đài Tr trình bày: Chị chung sống cùng anh Trịnh Quốc Th, trên cơ sở tình yêu, tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) HD, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại thôn 5, xã MS, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa. Đến cuối năm 2019, anh chị chuyển ra ĐT sinh sống và đăng ký tạm trú tại khu tập thể công nhân Yên D thuộc thôn TY, xã Hồng Thái Đ, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh do anh Th xin làm công nhân tại công ty than Uông Bí. Cháu Trịnh Thanh H (là con chung của chị và anh Th) cũng chuyển ra ở cùng bố mẹ. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian,

sau đó thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh Th chơi cờ bạc, bỏ công việc ở công ty, thường xuyên bỏ nhà đi chơi không quan tâm đến vợ con. Thời gian vợ chồng chị chung sống tại Thanh Hóa, chị đã có lần lên Tòa án làm thủ tục ly hôn. Nhưng sau đó, do muốn cho anh Th cơ hội sửa chữa nên chị không nộp đơn. Tuy nhiên, khi chuyển ra Quảng Ninh sinh sống, anh Th vẫn không thay đổi. Đến tháng 5 năm 2021, chị làm đơn xin ly hôn với anh Th và chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại khu 2, phường HD, thị xã ĐT sinh sống, không ai quan tâm đến cuộc sống riêng của ai. Anh Th thường xuyên gây phiền hà, ảnh hưởng đến cuộc sống của chị, khiến chị cảm thấy rất mệt mỏi, bế tắc. Nay chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, xin ly hôn với anh Trịnh Quốc Th để ổn định cuộc sống.

Về con chung, vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Trịnh Thanh H, sinh ngày 15/10/2013. Trong quá trình giải quyết vụ án, quan điểm của chị muốn nuôi con chung Trịnh Thanh H, vì cháu là con gái, chị sẽ tiện chăm sóc cho cháu, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, chị đang làm quản lý tại siêu thị, mức lương 8.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi con và để con chung có điều kiện phát triển đầy đủ. Tại phiên tòa, chị Tr có quan điểm: nếu anh Th vẫn có nguyện vọng nuôi con, chị sẽ để anh Th nuôi con chung Trịnh Thanh H và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 4 năm 2022.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trịnh Quốc Th trình bày tại đơn xin gia hạn ngày 04/6/2021, bản tự khai ngày 18/10/2021 và tại phiên tòa như sau: Anh và chị Nguyễn Thị Đài Tr đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường HD, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống tại thôn 5, xã MS, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc, chỉ đến khi vợ chồng anh chuyển ra Quảng Ninh làm việc và sinh sống thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do công việc của anh không thuận lợi, anh nợ nần nhiều, không quan tâm đến vợ con, khiến chị Tr thay đổi, không có sự chia sẻ trong cuộc sống vợ chồng, cuộc sống trở nên bế tắc và không có tiếng nói chung. Sau khi chị Tr làm đơn ly hôn với anh một thời gian, anh đã về quê Thanh Hóa sinh sống và hiện không còn tạm trú tại khu tập thể công nhân Yên D nữa. Về yêu cầu xin ly hôn của chị Tr: anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn, muốn vợ chồng có thời gian để hàn gắn tình cảm. Nếu chị Tr vẫn yêu cầu ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Trịnh Thanh H, sinh ngày 15/10/2013. Từ khi hai vợ chồng sống ly thân, cháu H ở với anh tại xã MS, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa. Nếu vợ chồng anh dần tới phải ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cháu Trịnh Thanh H và chị Tr cấp dưỡng nuôi con tự nguyện, tùy theo điều kiện kinh tế của chị Tr. Vì anh hiện đang làm Giám đốc điều hành tại Công ty TNHH tư vấn đầu tư thương mại và dịch vụ Thanh Hà, với thu nhập trung bình 15.000.000 đồng/tháng. Nếu chị Tr tự nguyện cấp

dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 4 năm 2022 thì anh cũng đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Trịnh Quốc Th tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần. Tuy nhiên, anh Th không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Ngày 25/10/2021, Tòa án nhân dân thị xã ĐT nhận được kết quả ủy thác của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn tỉnh Thanh Hóa gồm: 01 đơn trình bày nguyện vọng của cháu Trịnh Thanh H (bản gốc), 01 bản tự khai của anh Trịnh Quốc Th (bản gốc), 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và 01 thông báo về cơ quan thuế quản lý (bản chứng thực).

Theo biên bản xác minh ngày 30/8/2021, tại khu tập thể Yên D thuộc thôn TY, xã Hồng Thái Đ, thị xã ĐT thể hiện: Anh Trịnh Quốc Th và chị Nguyễn Thị Đài Tr là vợ chồng, đăng ký tạm trú tại phòng 516, tầng 5, dãy nhà TT02, khu tập thể công nhân Yên D, thôn TY, xã Hồng Thái Đ, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh, do anh Trịnh Quốc Th là công nhân công ty than Uông Bí từ tháng 4 năm 2020. Trong quá trình chung sống tại khu tập thể, Phòng quản lý không nắm được mâu thuẫn của anh chị, chị Tr đã chuyển ra ngoài ở từ tháng 5 năm 2021. Chị Tr và anh Th có 01 (một) con chung tên Trịnh Thanh H, sinh ngày 15/10/2013, do cháu có trong danh sách đăng ký cùng bố mẹ tại Phòng quản lý khu tập thể.

Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 18/10/2021, cháu Trịnh Thanh H trình bày nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng muốn được ở với bố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn quá trình tham gia tố tụng đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Đài Tr. Giao con chung Trịnh Thanh H, sinh ngày 15/10/2013 cho anh Trịnh Quốc Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị Tr tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/ tháng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị Đài Tr xin ly hôn anh Trịnh Quốc Th, có hộ khẩu thường trú tại thôn 5, xã MS, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đăng ký tạm trú: Phòng 516, tầng 5, dãy nhà TT02, khu tập thể công nhân Yên D, thôn TY, xã Hồng Thái Đ, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh. Thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, anh Th vẫn đang là Công nhân Công ty than Uông Bí, tạm trú tại khu tập thể công nhân Yên D, thôn TY, xã Hồng Thái Đ, thị xã ĐT nên vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã ĐT, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Đài Tr và anh Trịnh Quốc Th chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn là cuộc hôn nhân hợp pháp. Mục đích kết hôn là xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng bình đẳng, thương yêu, chung thủy, chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nhưng từ đầu năm 2021 anh chị bất đồng quan điểm sống, nên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên va chạm, xích mích, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Do không hòa giải được mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, nên chị Tr đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, không ai quan tâm đến cuộc sống riêng của ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xem xét nguyện vọng của anh Th, gia hạn thời gian tối đa giải quyết vụ án, tiến hành hòa giải nhiều lần để anh chị có thể quay về đoàn tụ chung sống nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, anh Th không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Chị Tr có đơn từ chối hòa giải, yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th càng sớm càng tốt, vì nếu duy trì hôn nhân cũng không có hạnh phúc. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị Tr và anh Th đã kéo dài, trầm trọng, tình yêu không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Tr được ly hôn với anh Th.

[3] Về con chung: chị Tr và anh Th có 01 con chung là Trịnh Thanh H, sinh ngày 15/10/2013. Chị Tr và anh Th đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, nếu anh Th cương quyết muốn nuôi con, chị cũng đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Xét chị Tr và anh Th đều có công việc, có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Tuy nhiên, cháu Trịnh Thanh H từ khi bố mẹ ly thân đã chung sống cùng anh Th, hiện đang sinh sống, học tập ổn định tại xã MS, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa. Bản thân cháu cũng có nguyện vọng được ở cùng bố. Vì vậy, cần chấp nhận nguyện vọng của anh Th về nuôi con chung, giao cho anh Th có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con chung là phù hợp đạo đức và pháp luật. Chị Tr tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: chị Tr phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### ***Áp dụng:***

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đài Tr.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Đài Tr được ly hôn với anh Trịnh Quốc Th.

[2]. Về con chung: giao cho anh Trịnh Quốc Th có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con chung là Trịnh Thanh H, sinh ngày 15/10/2013, kể từ tháng 4/2022 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), chị Nguyễn Thị Đài Tr phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng, kể từ tháng 4/2022 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Anh Th cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Tr trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[3]. Về án phí: chị Nguyễn Thị Đài Tr phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (*ba trăm nghìn*) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000612 ngày 26/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh, chị Tr còn phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn*) đồng.

[4]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thị xã ĐT;
- Chi cục THADS thị xã ĐT;
- Các đương sự;
- UBND phường HD (nơi ĐKKH);
- Lưu

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký)

**Trần Thị Như Quỳnh**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Như Quỳnh**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thị xã ĐT;
- Chi cục THADS thị xã ĐT;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- UBND phường HD (nơi ĐKKH);
- Lưu

**Trần Thị Như Quỳnh**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

**Trần Hữu Trung**

**Nguyễn Thị Thanh Nhâm**

**Trần Thị Như Quỳnh**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thị xã ĐT;
- Chi cục THADS thị xã ĐT;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường Mạo Khê;
- Lưu

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Trần Thị Như Quỳnh***



**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

**Trần Hữu Trung**

**Nguyễn Văn Bảy**

**Trần Thị Như Quỳnh**